

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :299

Sang : Phở bò cà rốt gia sai hành tây rau
húng
Sữa gạo
Trở lại : Cơm cà ba sa kho thơm cà chua. Canh
cải thìa mọc viên thịt heo nạc
Món xào: su su, cà rốt
Xe: sữa gạo
Xe chiều: Hoành thanh tôm thịt nam mướp
cà rốt gia hẹ
NT,mâm:Bún thịt tôm tôm nộm mướp cà rốt
gia hẹ

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36997				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Rơm (múi)	2,000	1,060	21,200
2	Tôm biển	3,500	34,970	1,223,950
3	Cà ba sa	9,000	13,550	1,219,500
4	Mọc viên*	1,500	16,500	247,500
5	Nước mắm Cà (loại 1)	3,500	8,800	308,000
6	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
7	Nông cat	4,000	3,880	155,200
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Gạo tẻ máy	17,000	2,630	447,100
10	Hành lá	1,500	6,300	94,500
11	Hành củ tỏi	1,000	5,780	57,800
12	Cà rốt	7,500	5,460	409,500
13	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
14	Mướp	2,500	3,990	99,750
15	Hành tây	500	3,570	17,850
16	Rau ngò (Rau mùi)	100	8,820	8,820
17	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
18	Sai	300	2,840	8,520
19	Rau húng	100	11,870	11,870
20	Cà chua	3,500	6,300	220,500
21	Cải thìa	6,500	5,460	354,900
22	Su su	3,000	3,050	91,500
23	Hẹ lá	100	5,570	5,570
24	Hoành thanh	9,500	5,280	501,600
25	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
26	Bún	7,000	1,710	119,700
27	Thịt nạc băm	5,500	17,960	987,800
28	Thịt bò loại 2	3,500	29,400	1,029,000
29	Đũa tre	1,000	2,940	29,400
Cong				8,438,030
	*XUẤT KHO			
30	Sữa bột Abbot Grow	12,800	20,500	2,624,000
Cong				2,624,000
Tổng tiền thức phẩm				11,062,030 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				11063000(đ)
Số tiền nộp ngay				0(đ)
Số tiền cuối ngày				970(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				